

THÔNG SỐ KỸ THUẬT — TÀI LIỆU PDF

Cầu chì 10A 98200-41000

HONDA Xe Ga, Xe Số

Mã sản phẩm **9820041000** · Thương hiệu HONDA · Dòng xe ADV350, AIR BLADE 110, AIR BLADE 125, AIR BLADE 125/150, BLADE 110, CB150R, CB300R, CB350 H'NESS, CLICK 110, DREAM 110, FUTURE 125, FUTURE NEO, GOLDWING, LEAD 110, LEAD 125, MSX 125, PCX, PCX 125, SH 125/150, SH 350, SH MODE, VISION 110, WAVE 100, WAVE ALPHA, WAVE ALPHA 110, WAVE RSX 110, WINNER 150, WINNER R, WINNER X

Phụ tùng xe máy mã **9820041000** — thương hiệu HONDA, tương thích dòng xe ADV350, AIR BLADE 110, AIR BLADE 125, AIR BLADE 125/150, BLADE 110, CB150R, CB300R, CB350 H'NESS, CLICK 110, DREAM 110, FUTURE 125, FUTURE NEO, GOLDWING, LEAD 110, LEAD 125, MSX 125, PCX, PCX 125, SH 125/150, SH 350, SH MODE, VISION 110, WAVE 100, WAVE ALPHA, WAVE ALPHA 110, WAVE RSX 110, WINNER 150, WINNER R, WINNER X. Tài liệu tra cứu kỹ thuật chính thức từ hệ thống DOV Wiki Phụ Tùng.

Trang online:

<https://wiki.dov.vn/san-pham/cau-chi-10a-98200-41000-honda-xe-ga-xe-so--9820041000> — mở link hoặc quét QR bên phải để xem tồn kho, giá thực tế, nơi bán gần bạn cập nhật mới nhất.

Cầu chì 10A 98200-41000 HONDA Xe Ga, Xe Số



SKU	9820041000
Thương hiệu	HONDA
Dòng xe	ADV350, AIR BLADE 110, AIR BLADE 125, AIR BLADE 125/150, BLADE 110, CB150R, CB300R, CB350 H'NESS, CLICK 110, DREAM 110, FUTURE 125, FUTURE NEO, GOLDWING, LEAD 110, LEAD 125, MSX 125, PCX, PCX 125, SH 125/150, SH 350, SH MODE, VISION 110, WAVE 100, WAVE ALPHA, WAVE ALPHA 110, WAVE RSX 110, WINNER 150, WINNER R, WINNER X
Năm	ADV350: 2025 AIR BLADE 110: 2007,2008,2009,2010,2011,2012 AIR BLADE 125: 2012,2013,2014,2015,2016,2017,2018,2019 AIR BLADE 125/150: 2020,2021,2022,2023,2024,2025,2026 BLADE 110: 2016,2020,2021,2022,2023,2024,2025,2026 CB150R: 2022 CB300R: 2018,2019,2020,2021,2022,2023,2024,2025,2026 CB350 H'NESS: 2024 CLICK 110: 2006,2007,2008,2009,2010,2011,2012,2013,2014,2015,2016,2017,2018,2019,2020,2021,2022,2023,2024,2025,2026 DREAM 110 FUTURE 125: 2015,2016,2017,2018,2019,2020,2021,2022,2023,2024,2025,2026 FUTURE NEO: 2009,2010,2011,2012,2013 GOLDWING: 2023 LEAD 110: 2009,2010,2011,2012,2013 LEAD 125: 2013,2014,2015,2017,2018,2019,2020,2021,2022,2023,2024,2025,2026 MSX 125 PCX: 2010,2011,2012,2014,2015,2016,2017 PCX 125: 2013 SH 125/150: 2005,2006,2007,2008,2009,2010,2011,2012,2013,2014,2015,2016,2017,2018,2019,2020,2021,2022,2023 SH MODE: 2013,2014,2015,2016,2017,2018 VISION 110: 2011,2012,2013,2014,2015,2016,2017,2018,2019,2020,2021,2022,2023,2024,2025,2026 WAVE 100: 2013 WAVE ALPHA: 2001,2002,2003,2004,2005 WAVE ALPHA 110: 2021,2022,2023,2024,2025,2026 WAVE RSX 110: 2009,2010,2011,2012,2013,2014,2015,2016,2017,2018,2019 WINNER 150: 2016,2017,2018,2019 WINNER R: 2025,2026 WINNER X: 2019,2020,2021,2022,2023,2024,2025,2026
DVT	Củ
Giá lẻ	21.708đ



Quét xem trang online

Bảng giá đại lý

Giá đặc quyền cho hệ thống phân phối. Liên hệ đăng ký đại lý qua panel.dov.vn.

Cấp	Điều kiện	Giá bán	Chiết khấu
C01 — Đại lý cấp 1	Tổng doanh số $\geq$ 100 triệu/tháng	7,236đ	-66.7%
C02 — Đại lý cấp 2	Tổng doanh số $\geq$ 50 triệu/tháng	7,631đ	-64.8%
C03 — Đại lý cấp 3	Tổng doanh số $\geq$ 10 triệu/tháng	8,026đ	-63%
C04 — Đại lý cấp 4	Tổng doanh số $\geq$ 1 triệu/tháng	8,552đ	-60.6%
Giá lẻ	Khách hàng cuối, mua đơn nhỏ	21,708đ	—

Xác nhận trong sơ đồ catalogue EPC

Phụ tùng 9820041000 được xác nhận có mặt trong **10 bộ sơ đồ catalogue EPC** chính hãng, cho thấy tính phổ dụng cao và bằng chứng rõ ràng về nguồn gốc chính hãng.

1. **BỘ PHỤ TÙNG F - 38 CATALOGUE BÓ DÂY WINNER R (2025-2026)** — HONDA · WINNER · 2025,2026 ·

- CATALOGUE WINNER R (2025-2026) (FS150FT - FS150AFT) · chi tiết số 41
<https://wiki.dov.vn/epc/bo-phu-tung-f-38-catalogue-bo-day-winner-r-2025-2026--EPCDOV0005624>
2. **BỘ PHỤ TÙNG F - 13 CATALOGUE BÌNH ĐIỆN HONDA DREAM 110** — HONDA · SUPER DREAM · CATALOGUE DREAM 110 · chi tiết số 10
<https://wiki.dov.vn/epc/bo-phu-tung-f-13-catalogue-binh-dien-honda-dream-110--EPCDOV0001478>
3. **BỘ PHỤ TÙNG F - 23 CATALOGUE YÊN XE - BÌNH ÁC QUY HONDA WAVE 110 RSC** — HONDA · WAVE · 2012 · CATALOGUE WAVE 110 RSX K07 (2012) · chi tiết số 20
<https://wiki.dov.vn/epc/bo-phu-tung-f-23-catalogue-yen-xe-binh-ac-quy-honda-wave-110-rsc--EPCDOV0002416>
4. **BỘ PHỤ TÙNG F - 23 CATALOGUE YÊN XE / ẮC QUY HONDA WAVE 110 K03V (2014)** — HONDA · WAVE · 2014 · CATALOGUE WAVE 110 K03V (2014) · chi tiết số 23
<https://wiki.dov.vn/epc/bo-phu-tung-f-23-catalogue-yen-xe-ac-quy-honda-wave-110-k03v-2014--EPCDOV0004508>
5. **BỘ PHỤ TÙNG F - 23 CATALOGUE YÊN XE / ẮC QUY HONDA WAVE 110 K89 (2017)** — HONDA · WAVE · 2017 · CATALOGUE WAVE 110 K89 (2017) · chi tiết số 29
<https://wiki.dov.vn/epc/bo-phu-tung-f-23-catalogue-yen-xe-ac-quy-honda-wave-110-k89-2017--EPCDOV0004559>
6. **BỘ PHỤ TÙNG F - 23 CATALOGUE YÊN XE / BÌNH ĐIỆN HONDA WAVE ALPHA 110** — HONDA · WAVE · 2024 · WAVE ALPHA 110 (2024) · chi tiết số 29
<https://wiki.dov.vn/epc/bo-phu-tung-f-23-catalogue-yen-xe-binh-dien-honda-wave-alpha-110--EPCDOV0002933>
7. **BỘ PHỤ TÙNG F - 23 CATALOGUE YÊN XE / BÌNH ĐIỆN HONDA WAVE RSX 110 (2019)** — HONDA · WAVE · 2019 · WAVE RSX 110 (2019) · chi tiết số 21
<https://wiki.dov.vn/epc/bo-phu-tung-f-23-catalogue-yen-xe-binh-dien-honda-wave-rsx-110-2019--EPCDOV0003579>
8. **BỘ PHỤ TÙNG F - 24 - 1 CATALOGUE ẮC QUY (2) HONDA WAVE A / WAVE A+ / WAVE ZX / WAVE RSV / WAVE ALPHA / WAVE RS / WAVE S / WAVE 100S NHẬP** — HONDA · WAVE · 2001,2002,2003,2004,2005 · CATALOGUE WAVE A / WAVE A+ / WAVE ZX / WAVE RSV / WAVE ALPHA / WAVE RS / WAVE S / WAVE 100S NHẬP · chi tiết số 8
<https://wiki.dov.vn/epc/bo-phu-tung-f-24-1-catalogue-ac-quy-2-honda-wave-a-wave-a-wave-zx-wave-rsv-wave-alpha-wave-rs-wave-s-wave-100s-nhap--EPCDOV0005167>
9. **BỘ PHỤ TÙNG F - 24 CATALOGUE ẮC QUY HONDA WAVE 100 KWYP (2013)** — HONDA · WAVE · 2013 · CATALOGUE WAVE 100 KWYP (2013) · chi tiết số 8
<https://wiki.dov.vn/epc/bo-phu-tung-f-24-catalogue-ac-quy-honda-wave-100-kwyp-2013--EPCDOV0003836>
10. **BỘ PHỤ TÙNG F - 25 - 1 CATALOGUE BÓ DÂY (ANC110A,ACA110A / B) HONDA AIR BLADE 110 (03 / 2007 - 12 / 2012)** — HONDA · AIR BLADE · 2007,2008,2009,2010,2011,2012 · CATALOGUE AIR BLADE 110 (03/2007-12/2012) · chi tiết số 32
<https://wiki.dov.vn/epc/bo-phu-tung-f-25-1-catalogue-bo-day-anc110aaca110a-b-honda-air-blade-110-03-2007-12-2012--EPCDOV0004093>

Phụ tùng liên quan

Tên phụ tùng	Mã SKU	Giá lẻ
Cầu chì 30A 98200-33000 HONDA SH 125, SH 150	9820033000	30.148đ
Cầu chì 15A 98200-41500 HONDA AIR BLADE, CLICK, FUTURE, PCX, SH, VISION, WAVE	9820041500	21.708đ
Cầu chì 20A 98200-42000 HONDA AIR BLADE, LEAD, PCX	9820042000	14.472đ
Cầu chì 25A 98200-42500 HONDA AIR BLADE, LEAD, PCX, SH, SH MODE	9820042500	18.090đ
Cầu chì 30A 98200-43000 HONDA PCX	9820043000	32.410đ

Xác minh chính hãng

Kiểm tra barcode trên tem phụ tùng: Khi quét mã vạch (barcode) hoặc mã QR trên tem nhãn, kết quả phải trả về đúng mã 9820041000. Nếu không khớp — dấu hiệu hàng không chính hãng.

Mua tại đơn vị có hóa đơn VAT: Chỉ mua tại cửa hàng chính thức có xuất hóa đơn VAT đầy đủ.

Nội dung hóa đơn: Mỗi dòng phải ghi rõ tên hàng + *mã cụ thể* — ví dụ "*Phụ tùng xe máy — 9820041000*". Hóa đơn ghi chung chung sẽ khó bảo hành/khiếu nại.

Trích dẫn tài liệu này

APA (7th ed.):

DOV Wiki Phụ Tùng. (2026). Cầu chì 10A 98200-41000 HONDA Xe Ga, Xe Số (9820041000) — Thông số kỹ thuật PDF. Truy cập ngày 07/08/2026, từ <https://wiki.dov.vn/san-pham/cau-chi-10a-98200-41000-honda-xe-ga-xe-so--9820041000>

MLA (9th ed.):

"Cầu chì 10A 98200-41000 HONDA Xe Ga, Xe Số (9820041000) — Thông số kỹ thuật PDF." *DOV Wiki Phụ Tùng*, 2026-08-07, <https://wiki.dov.vn/san-pham/cau-chi-10a-98200-41000-honda-xe-ga-xe-so--9820041000>. Truy cập 07/08/2026.

Chicago (17th ed.):

DOV Wiki Phụ Tùng. "Cầu chì 10A 98200-41000 HONDA Xe Ga, Xe Số (9820041000) — Thông số kỹ thuật PDF." Cập nhật 2026-08-07. <https://wiki.dov.vn/san-pham/cau-chi-10a-98200-41000-honda-xe-ga-xe-so--9820041000>.

Tài liệu này

Cầu chì 10A 98200-41000 HONDA Xe Ga, Xe Số (9820041000) — Thông số kỹ thuật PDF

Cập nhật lần cuối
07/08/2026

Dữ liệu từ <https://panel.dov.vn>. Tài liệu tự sinh bởi Wiki Phụ Tùng — không thay thế thông tin từ nhà sản xuất chính hãng.